

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày 18 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Danh.

Ông Y Pép Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 -268 đường N, Phường T, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kim L – chuyên viên quản lý tín dụng phòng giao dịch huyện K. (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2019)

Địa chỉ: Số 16 A, Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Có mặt).

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Vân A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk .

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 22/7/2013 bà Đặng Thị Vân A có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S, (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Đặng Thị Vân A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng (bao gồm thẻ Family, thẻ Master Card và thẻ Visa Card) với tổng hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Đặng Thị Vân A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.990.000 đồng, trong đó: Thẻ Family 29.200.000 đồng; thẻ Master Card 2.000.000 đồng và thẻ Visa Card 11.790.000 đồng. Lãi và phí phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ với tổng số tiền là 43.171.447 đồng, trong đó: Thẻ Family 24.125.096 đồng; thẻ Master Card 5.183.273 đồng; thẻ Visa Card 13.863.078 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Đặng Thị Vân A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 51.257.878 đồng, trong đó: Thẻ Family 32.402.878 đồng; thẻ Master Card 3.795.000 đồng và thẻ Visa Card 15.060.000 đồng và còn nợ lại tiền lãi, phí phát sinh với số tiền 43.171.447 đồng. Qua nhiều lần việc, nhắc nhở nhưng bà Đặng Thị Vân A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Đặng Thị Vân A vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 05/3/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính tới ngày 18/6/2019 tổng số tiền nợ quá hạn của bà Đặng Thị Vân A trên cả ba thẻ là 38.147.524 đồng, trong đó: 19.275.905 đồng tiền gốc và 18.871.691 đồng tiền lãi. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Vân A phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền như trên và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ cho Ngân hàng .

Đối với bị đơn bà Đặng Thị Vân A, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng thông báo cho bà Đặng Thị Vân A biết để tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi của mình nhưng bà Đặng Thị Vân A đều vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bà Đặng Thị Vân A và tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bà Đặng Thị Vân A trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc bà Đặng Thị Vân A phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 19.275.905 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Đặng Thị Vân A phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh của ba thẻ tín dụng nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn bà Đặng Thị Vân A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nợ gốc: Theo Kết luận giám định số 21/PC09 ngày 01/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký và chữ viết Đặng Thị Vân A trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/7/2013 là do bà Đặng Thị Vân A ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ xác định bà Đặng Thị Vân A có giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Đặng Thị Vân A bao gồm thẻ Family, thẻ Master Card và thẻ Visa Card với tổng hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, Sau khi được cấp thẻ, bà Đặng Thị Vân A đã thực hiện giao dịch và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 51.258.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 19.275.905 (làm tròn 19.276.000 đồng). Tuy nhiên, kể từ ngày 05/3/2017, bà Đặng Thị Vân A không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất kì khoản tiền nào. Bà Đặng Thị Vân A đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết, vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Đặng Thị Vân A phải trả số tiền nợ gốc là 19.276.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “ Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bà Đặng Thị Vân A phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi tính đến ngày 18/6/2019 là 18.871.691 đồng (làm tròn 18.872.000 đồng) là có cơ sở nên cần chấp nhận. Đồng thời, bà Đặng Thị Vân A phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/6/2019 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[4] Về chi phí giám định: Việc Ngân hàng yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Đặng Thị Vân A là có căn cứ nên bà

Đặng Thị Vân A phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 5.760.000 đồng chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Đặng Thị Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, với mức $38.148.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.907.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 161, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc bà Đặng Thị Vân A phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 38.148.000đ (ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng), trong đó: tiền gốc 19.276.000 đồng, tiền lãi 18.872.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/7/2013 (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng).

- Về chi phí giám định: Bà Đặng Thị Vân A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 5.760.000đ (năm triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

- Về án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 793.000đ (bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí số AA/2017/ 0007314 ngày 14/01/2019 và biên lai số AA/2017/0014588 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Đặng Thị Vân A phải chịu 1.907.000đ (một triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Định